

Số: /2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp...

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, nội dung theo quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 3, khoản 5, Điều 18.
2. Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 28.
3. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 29.
4. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn theo quy định tại khoản 2 Điều 39.
5. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn theo quy định tại khoản 6, Điều 40.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án/hoạt động thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư; trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc các chương trình, dự án khác thì được lựa chọn một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.
2. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án/hoạt động được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết này và khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm.
3. Các khoản hỗ trợ được căn cứ kết quả nghiệm thu, thẩm định, xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc đơn vị thẩm định chuyên môn; trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
4. Hồ sơ, chứng từ, báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp phải đầy đủ, hợp lệ và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định.
5. Dự án không hoàn thành, sử dụng sai mục đích hoặc báo cáo không trung thực phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
6. Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo tiến độ triển khai nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt.

7. Thông tin về các dự án, doanh nghiệp được hỗ trợ được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên sau khi có kết quả phê duyệt hoặc báo cáo được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số (khoản 3, 5 Điều 18)

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; chip bán dẫn; hệ thống trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; chip bán dẫn; hệ thống trí tuệ nhân tạo có nhu cầu thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;

b) Dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; chip bán dẫn; hệ thống trí tuệ nhân tạo có nhu cầu đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Có hợp đồng lao động hoặc văn bản thỏa thuận hợp tác với nhân sự; nhân sự được thuê phải đáp ứng các tiêu chí đối với chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Điều 3 và đã thực hiện quy trình tuyển chọn theo Điều 4 Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 Quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Đối với đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp: Lao động được đào tạo và ký hợp đồng làm việc từ 12 tháng trở lên.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Hỗ trợ 50% chi phí trả lương cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao trong 12 tháng nhưng không quá 80 triệu đồng/người/tháng và không quá 03 người/dự án (gồm lương, thưởng, điều kiện làm việc, chế độ phúc lợi xã hội);

b) Chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nguồn nhân lực, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/người/dự án (áp dụng với người có ký hợp đồng lao động làm việc từ 12 tháng trở lên) nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Điều 5. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với các dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số (khoản 4, điều 28)

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có quy mô vốn đầu tư (không bao gồm tiền thuê đất) từ 50 tỷ đồng trở lên.

b) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm quy định tại Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; hoặc Dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ngày 15/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Dự án tạo ra sản phẩm công nghệ số có giá trị gia tăng cao, có tiềm năng xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Dự án phù hợp với các quy hoạch của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) và không vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai dự án.

d) Dự án chưa được hỗ trợ từ chính sách khác của tỉnh với cùng nội dung hỗ trợ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy: Hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng theo đơn giá thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Hỗ trợ 30% tổng chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, chiếu sáng trong khuôn viên dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

c) Chi phí trang thiết bị máy móc: Hỗ trợ 20% chi phí mua sắm dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ, ưu đãi dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số (khoản 2, điều 29)

1. Đối tượng áp dụng:

Các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Dự án khởi nghiệp sáng tạo có nhu cầu đào tạo ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, marketing số, sở hữu trí tuệ.

b) Hoạt động nghiên cứu và phát triển: Dự án có mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số, có tính đổi mới sáng tạo, có nội dung nghiên cứu và phát triển công nghệ, sản phẩm dịch vụ mới hoặc cải tiến đáng kể.

c) Hoạt động sản xuất thử nghiệm: Sản phẩm, dịch vụ đã qua giai đoạn nghiên cứu, đang trong giai đoạn thử nghiệm hoặc bắt đầu thương mại hóa; có quy trình thử nghiệm rõ ràng; có khả năng hoàn thiện để đưa ra thị trường.

d) Hoạt động tư vấn khởi nghiệp: Nội dung tư vấn phù hợp với nội dung dự án, thuộc các lĩnh vực xây dựng mô hình kinh doanh, phát triển thị trường, gọi vốn, sở hữu trí tuệ, pháp lý và quản trị doanh nghiệp.

e) Hoạt động mua công nghệ, đổi mới công nghệ: Công nghệ dự kiến tiếp nhận không nằm trong danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và cấm chuyển giao theo quy định, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh hoặc tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Các khóa đào tạo phát triển nguồn nhân lực phải liên quan trực tiếp đến nội dung dự án; nhân lực được đào tạo phải là nhân sự của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo hoặc tham gia dự án khởi nghiệp sáng tạo.

b) Hoạt động nghiên cứu và phát triển: Có thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển, dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

c) Hoạt động sản xuất thử nghiệm: Có phương án sản xuất thử nghiệm; đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sản xuất thử nghiệm và các điều kiện về an toàn, môi trường theo quy định.

d) Hoạt động mua công nghệ, đổi mới công nghệ: Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; có phương án làm chủ và ứng dụng công nghệ; tài liệu chứng minh hiệu quả dự kiến về kinh tế - kỹ thuật.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Hỗ trợ các khóa đào tạo ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, marketing số, sở hữu trí tuệ nhưng không quá 50 triệu đồng/dự án.

b) Chi phí nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 70% chi phí nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm mẫu, kiểm thử nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

c) Chi phí tư vấn khởi nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp lý, tư vấn tài chính tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ nhưng không quá 40 triệu đồng/dự án.

d) Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 50% chi phí mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, bằng sáng chế nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án.

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn (khoản 2, điều 39)

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn có nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực thiết kế vi mạch, kiểm thử.

b) Dự án có sự liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước.

c) Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam: Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.

b) Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; có kế hoạch thương mại hóa hoặc ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng, nông nghiệp, đô thị thông minh, AI, IoT...

c) Doanh nghiệp có tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia chuyên ngành thiết kế vi mạch, điện tử, công nghệ thông tin; đội ngũ quản lý dự án có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế hoặc phát triển sản phẩm công nghệ cao.

d) Doanh nghiệp có hợp tác nghiên cứu, đào tạo hoặc chuyển giao công nghệ với viện, trường, doanh nghiệp trong, ngoài nước; dự án có tác động thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng, hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn tại tỉnh.

e) Doanh nghiệp có phương án tài chính khả thi, khả năng duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư và mở rộng quy mô; cam kết báo cáo, giám sát, công khai kết quả sử dụng nguồn hỗ trợ theo quy định.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Hỗ trợ 50% chi phí mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm, phần mềm thiết kế chuyên dụng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 40% chi phí nghiên cứu, vật tư tiêu hao, sản xuất thử nghiệm (Fabless) và đăng ký sở hữu trí tuệ nhưng không quá 5 tỷ đồng/dự án.

c) Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 30% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ phục vụ nghiên cứu và kiểm thử nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn (khoản 6, điều 40)

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp (vật tư, hóa chất, linh kiện, khuôn mẫu đặc chủng) phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn hoặc dự án sản xuất thiết bị điện tử, vi mạch sử dụng chip bán dẫn “Make in Vietnam”.

b) Sản phẩm của doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt của ngành bán dẫn, điện tử.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.

b) Có năng lực nghiên cứu, thiết kế hoặc sản xuất trong lĩnh vực vi mạch điện tử; có tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia chuyên ngành điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu bán dẫn hoặc cơ điện tử; đội ngũ quản lý có kinh nghiệm triển khai dự án công nghệ cao.

c) Dự án có khả năng thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng, tăng tỷ lệ nội địa hóa hoặc hỗ trợ trực tiếp các dự án thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn trong nước; có hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

d) Dự án tạo việc làm cho lao động kỹ thuật cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của tỉnh, chuyển giao công nghệ tiên tiến hoặc có sản phẩm có khả năng thay thế nhập khẩu.

e) Có phương án tài chính khả thi, khả năng duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư và mở rộng quy mô; cam kết báo cáo, giám sát, công khai kết quả sử dụng nguồn hỗ trợ theo quy định.

4. Nội dung hỗ trợ

a) Chi phí sản xuất mẫu thử và khuôn mẫu: Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, vật tư tiêu hao để sản xuất sản phẩm mẫu (First Article) gửi đối tác thẩm định. Mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí mua công nghệ: Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư dự án nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng /dự án.

c) Chi phí đổi mới công nghệ: Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư dự án nhưng tối đa không quá 5 tỷ đồng /dự án.

Điều 9. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Tổ chức/doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*thành phần hồ sơ được quy định tại các Phụ lục của Nghị quyết này*). Cách thức nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tổ chức xác minh thực tế (nếu cần). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để Tổ chức/doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các thành viên là lãnh đạo Sở Tài chính và các sở ngành liên quan, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án triển khai; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc thành phần khác (nếu cần thiết). Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện; Trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thẩm định, trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có báo cáo thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức/doanh nghiệp biết.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XV, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương